

THỌ TRÌ KINH DI GIÁO
Sakya Minh-Quang soạn dịch

Mục Lục

Lời Giới Thiệu	I
<i>Kinh Di Giáo</i>	01
Thi Kệ Phụ Lục	61
-Nguyện Đền Ơn Mẹ	63
-Tán Thán Xuất Gia	65
-Thơ Từ Giã Vợ Đi Xuất Gia	67
-Bài Tụng Bốn Ơn	69
-Hoa Nghiêm Sám Nguyện	74
-Hoằng Tán Cảnh Sách	77
-Thừa Kế Chánh Pháp	81
-Kệ Phóng Sanh	84
-Tri Ân Lịch Đại Tổ Sư	86
- <i>Kinh Tâm Từ</i>	89
-Nghĩ Thức Quá Đường	92

“Vì sao mà tôi dám đoán chắc rằng có học Phật thì mới rõ phương pháp cứu thế? Vì Phật là một đấng sáng suốt trọn lành, nên những phương pháp của Ngài đã thi hành ra mà thức tỉnh cho quần sanh, đều là do trong thánh trí của Ngài mà chúng biết và đã kinh nghiệm, chớ không phải như lý thuyết mơ hồ của nhà triết học và các Tông giáo kia.”

(Trích lời Hòa thượng Thiện Quang trong “Diễn văn Khóa thứ 2 Liên Đoàn Phật Học Xã”).



Chân dung Hòa thượng **Thích Thiện Quang-
Nguyễn Chánh Tâm** (1879-?).
Nguyên Trụ trì Chùa Thiên Phước Trà Ôn, Cần Thơ,
Chủ nhiệm *Tạp chí Từ Bi Âm*
Cố vấn Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học.

TỎ Ý DIỄN DỊCH

*Phật giáo tuy màu chỉ nói tâm,
Vì tâm không tướng hóa thành thân,
Kính xin độc giả đừng nghi ngại,
Diễn dịch tôi đâu dám để làm.*

HT. Lê Phước Chí



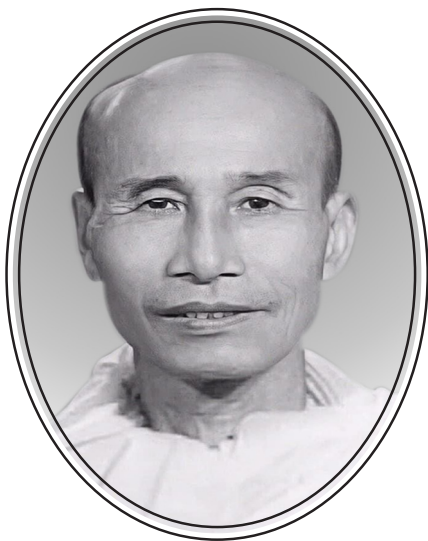
Chân dung Hòa thượng Sư Ông **Lê Phước Chí**
(1879 - 1943)

Nguyên Cố vấn Ban Trị Sự
Hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học năm 1934.
Trụ trì Chùa Linh Sơn, Sài Gòn

Thầy Tôi

*Thầy tôi áo rách vá vai
Mà y nhẫn nại đẹp hoài ngàn năm.
Thầy tôi một túp lều không
Lấy tình thương lớn mêh mông làm nhà.
Dù bao công hạnh Hằng sa
Thầy luôn vô ngã trên tòa tánh không!
Đời người con quá nửa vòng
Vẫn đi trong cõi mêh mông tình Thầy!*

Sakya Minh-Quang



Chân dung Hòa thượng Ân Sư,
Trưởng lão **Thích Thiện Tường** (1917-1984)
Người sáng lập Phật học đường và
Tổ đình Giác Nguyên, Sài Gòn 1947



*Đêm đêm đối bóng dịch kinh
Dáng xưa Thầy lại lung linh hiện về.
Đệ tử Sakya Minh-Quang tri ân đánh lễ*

Thầy Đi ...

*Thầy đi như cánh hạc bay
Thong dong giữa cuộc tỉnh say kiếp người
Chân dung xưa nét còn tươi
Giác Nguyên vẫn đợi chờ Người tái lai!*

Sakya Minh-Quang

LỜI GIỚI THIỆU

KINH DI GIÁO

Kinh Di Giáo (Di Giáo Kinh) là tên gọi tắt của *Kinh Phật Di Giáo (Phật Di Giáo Kinh)*, nghĩa là *Kinh Ghi Lại Lời Dạy Cuối Cùng của Đức Phật*. Kinh này còn có tên khác đầy đủ hơn là *Kinh Đức Phật Nói Tóm Lược Những Điều Răn Dạy Trước Khi Nhập Niết-bàn (Phật Thùy Niết-bàn Lược Thuyết Giáo Giới Kinh 佛垂般涅槃略說教誡經)*. *Kinh Di Giáo* được Ngài Cưu-ma-la-thập (344-413) phiên dịch từ Phạn ngữ ra Hán văn vào đời Dao Tần (384-417).

Nội dung chủ yếu của *Kinh Di Giáo* là *giải thoát đạo*, tức con đường tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si, để giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Đức Phật không những chỉ dạy tóm tắt những điều trọng yếu trong đời sống tu hành của người xuất gia (giáo), mà còn răn nhắc đệ

tử mình phải ghi nhớ và thực hành những giới luật đã lãnh thọ (giới). Ví dụ, người xuất gia phải có nếp sống thiếu dục tri túc, xa lìa lối sống xa hoa vật chất, không được cầu danh lợi qua những phương tiện như làm chính trị, buôn bán kinh doanh, mê tín dị đoan..., nhất là việc buôn thần bán thánh, “tỏ lạ thường dối người”, hay mượn chiếc áo nhà tu để lừa gạt tín đồ Phật tử!

Đức Phật lại dạy đệ tử phải xa lìa tham lam, sân hận, ngã mạn, tật đố, siêng tu chánh niệm, thiền định và trí tuệ để có thể giác ngộ, giải thoát. Cuối cùng, đức Phật nhấn mạnh Tứ Diệu Đế: khổ, tập, diệt, đạo là chân lý bất di bất dịch. Tôn giả A-nậu-lâu-đà đã thay các hàng Thánh chúng khẳng định: “Kính bạch đức Thế Tôn, mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, nhưng bốn Thánh đế này do đức Phật nói ra không sao sai khác được.”

Có lẽ, có người sẽ thắc mắc: Phật giáo Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản thuộc dòng Phật giáo Đại Thừa Đông Á, lấy tư tưởng *Bồ-tát đạo* làm nền tảng để tu hành và hoằng Pháp. Trong khi đó, tư tưởng chính yếu của *Kinh Di Giáo* là *giải thoát đạo* như đã nói ở trên, vậy làm sao phù hợp? Để trả lời câu hỏi này, trước hết chúng ta cần hiểu qua về ba con đường tu tập nhằm hướng về Phật đạo trong Phật giáo.

1. Phước đức đạo, giải thoát đạo, và Bồ-tát đạo

Phước đức đạo, giải thoát đạo, và Bồ-tát đạo là ba con đường tu tập hướng đến cứu cánh là thành tựu Phật đạo. Phước đức đạo là con đường tu phước và đạo đức thế gian, nhằm hưởng được hạnh phúc đời này và đời sau trong cõi trời người. Trong ngũ thừa Phật giáo: nhân thừa, thiên thừa, thanh văn thừa,

duyên giác thừa, Bồ-tát thừa, thì *phước đức đạo* thuộc về hai thừa đầu. Còn *giải thoát đạo* là con đường tu tuệ để giải thoát khổ đau trong sinh tử, được hạnh phúc cứu cánh của niết-bàn. *Giải thoát đạo* thuộc về thanh văn thừa và duyên giác thừa. *Bồ-tát đạo* là con đường phước tuệ song tu, kết hợp giữa *phước đức đạo* và *giải thoát đạo*. Nói khác đi, *Bồ-tát đạo* là đem tinh thần xuất thế để làm việc nhập thế, lấy hạnh phúc của chúng sinh làm lý tưởng phụng sự. Đây là Bồ-tát thừa trong ngũ thừa Phật giáo.

Nói cụ thể hơn, người tu *phước đức đạo* là người tin vào nhân quả nghiệp báo, bỏ ác làm lành, bố thí cúng dường để tạo phước ở đời này và đời sau. Người tu *giải thoát đạo* là người thực hành trí tuệ vô ngã, thiền quán để dứt trừ tham sân si phiền não. Theo thứ lớp tu tập, trước tu *phước đức đạo* sau mới tu *giải thoát đạo*. Cho nên, trong *Kinh A-hàm*, đức Phật

dạy: “Ta trước nói Pháp đốn chánh, sau mới nói Pháp xuất yếu.” Pháp đốn chánh chính là *phước đức đạo*, còn Pháp xuất yếu chính là *giải thoát đạo*.

Người tu *Bồ-tát đạo*, phát tâm Bồ-đề, từ bi cứu độ chúng sinh cũng làm hạnh bố thí của *phước đức đạo*. Nhưng nhờ có trí tuệ vô ngã của giải thoát đạo, người tu *Bồ-tát đạo* thấy các pháp duyên khởi tánh không, nên khi cho mà không thấy có người cho, bố thí mà không thấy có người nhận; các pháp như huyễn nên cũng không thấy có cái để cho. Đây gọi là “cả ba: mình, người và vật đều không thật và vắng lặng” (tam luân không tịch). Vì có trí tuệ bát-nhã dẫn dắt, nên bố thí của Bồ-tát trở thành bố thí ba-la-mật, tức bố thí cứu cánh thành Phật mà không phải là phước đức thế gian.¹ Theo tinh thần Đại Thừa, ba

1 Để rõ hơn ý nghĩa và mối quan hệ giữa Phước đức đạo, Giải thoát đạo và Bồ-tát đạo, xin đại chúng tham đọc thêm sách *Vô Thường và Giải Thoát Đạo* của bút giả.

con đường tu này là phương tiện thiết lập để dẫn dắt chúng sinh hướng về Phật đạo. *Kinh Pháp Hoa* bảo:

*Trong cõi Phật mười phương
Chỉ có một thừa pháp
Không hai cũng không ba
Trừ Phật phương tiện nói.²*

2. Tứ thánh đế và Tứ hoằng thệ nguyện

Bài pháp đầu tiên đức Phật nói tại vườn Lộc Uyển độ năm huynh đệ Kiều-trần-như là bài pháp tứ thánh đế. Trước khi nhập niết-bàn, trong *Kinh Di Giáo*, đức Phật lại một lần nữa nhắc lại pháp Tứ thánh đế. Tứ thánh đế chính là nền tảng giáo lý của *giải thoát đạo*. Đại thừa Phật giáo đặt trên nền tảng Bồ-đề tâm và Bồ-tát nguyện. Bồ-tát nguyện chính là tứ hoằng thệ nguyện:

2. *Kinh Pháp Hoa, Đại Chánh Tạng*, quyển 09, kinh số 262, trang 8a. 「十方佛土中，唯一乘法，無二亦無三。除佛方便說。」

*Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.*

Thật ra, Tứ hoằng thệ nguyện của Bồ-tát đạo là dựa trên Tứ thánh đế mà có. Ví dụ, vì thấy khổ đế, nên Bồ-tát mới phát nguyện: “Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.” Vì thấy tập đế, tham ái phiền não là nguyên nhân của đau khổ, nên Bồ-tát phát nguyện: “Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn.” Vì thấy diệt đế, sự chấm dứt nhân và quả khổ của sinh tử, nên Bồ-tát phát nguyện: “Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.” Vì thấy đạo đế, con đường đưa đến giải thoát, hay những Pháp môn tu tập chấm dứt phiền não, nên Bồ-tát phát nguyện “Pháp môn vô lượng thệ nguyện học.”

Như vậy, Tứ hoằng thệ nguyện của Bồ-tát đạo đặt trên nền tảng Tứ thánh đế của giải

thoát đạo. Nói khác đi, *Bồ-tát đạo* không thể bỏ *giải thoát đạo* mà có thể thành tựu! Sự khác nhau giữa *giải thoát đạo* và *Bồ-tát đạo* chỉ là sự quan tâm nặng nhẹ đến tự giác hay giác tha, thiên hướng xuất thế hay nhập thế mà thôi. Nhưng nếu muốn viên thành Phật đạo, hành giả trước phải tự giác, sau mới giác tha, kể nữa tự tha không hai, cuối cùng mới có thể viên thành chánh giác (giác hạnh viên mãn). Lại nữa, nếu không có công phu giới định tuệ, mà chỉ làm các việc phước thiện như bố thí, cúng dường, xây chùa, độ tăng v.v..., thì đó chỉ là phước báo thế gian. Người xuất gia đi vào đời cứu độ chúng sinh nếu thiếu nền tảng tu tập giới định tuệ, trước sau gì cũng bị thế tục hóa, đưa đến sa ngã. Cho nên, *giải thoát đạo* là nền tảng vô cùng quan trọng đối với *Bồ-tát đạo* của Phật giáo Đại Thừa.

Đây là lý do, dù *Kinh Di Giáo* thuộc về *giải thoát đạo* vẫn được các bậc Cao Tăng Đại thừa

từ Ấn Độ như Thế Thân, Cưu-ma-la-thập..., cho đến các Tổ ở Trung Quốc như Ngẫu Ích, Liên Trì v.v... đều hết lòng hoằng dương qua công đức phiên dịch, luận giải, và chú sớ. Thực tế, Phật giáo Đại Thừa Đông Á chưa từng bỏ giới luật của *giải thoát đạo*. Dù thọ trì Bồ-tát giới, người xuất gia vẫn thọ giới Tỳ-kheo theo *Tứ Phần Luật*, đứng vào hàng ngũ Tăng Bảo.

3. Giới luật xưa và nay

Có người cho rằng, phần giới luật của *Kinh Di Giáo* có nhiều điều không còn phù hợp với đời sống thực tế ở xã hội nông nghiệp thời xưa hay xã hội hiện đại ngày nay. Ví dụ, trong *Kinh Di Giáo* đức Phật dạy không được cày cấy hay không được buôn bán kinh doanh v.v.... Về vấn đề này, Ngài Thánh Nghiêm có giải thích, sau khi thành Đạo sáu năm, đức Phật không ngừng sửa đổi giới luật cho thích

ứng với xã hội, phong tục, và tập quán đương thời, nhưng tinh thần ly dục, ly ái nhiễm, thanh tịnh và giải thoát của giới luật vẫn không thay đổi.

Đức Phật đã nhập diệt, chúng ta không được sửa đổi giới luật, nhưng phải hiểu luật và hành luật trên tinh thần y nghĩa bất y ngữ, mà không phải chấp khư khư trên văn tự. Ví dụ, từ xưa nếp sống khát thực đã không còn thích hợp ở Trung Quốc. Đời Đường Mã Tổ lập tông lâm, Bách Trượng chế thanh quy, lấy nếp sống nông thiền, tự cung tự cấp làm căn bản sinh hoạt. Đây là nếp sống được xã hội Phong Kiến chấp nhận và ủng hộ. Nhưng tinh thần khát thực: “Trên xin giáo Pháp của đức Phật để nuôi giới thân tuệ mạng, dưới xin cơm đàn-na tín thí để nuôi sắc thân tu hành” vẫn còn nguyên vẹn. Cho nên, các Tổ ở Trung Quốc mới lập ra thanh quy để bổ túc

vào phần giới luật, đặt ra nghi thức cúng Quá Đường khi thọ trai trong thiền môn. Vì vậy, người xuất gia dù nhận thức ăn cúng dường ở chùa, nhưng thiếu dục tri túc “phòng tâm khỏi lỗi tham sân là cội gốc” và với mục đích “vì thành tựu đạo nghiệp mới thọ dụng cơm này” (ngũ quán lúc thọ trai), thì có khác gì đi khát thực?

Ngay cả việc đi cầu an, cầu siêu của chư tăng ni hiện nay, nếu chúng ta tu hành chân thật, đây cũng là phương pháp hành trì và giáo hóa chúng sinh. Tụng kinh đám tang là cơ hội để chiêm nghiệm về cái chết và quán chiếu lẽ vô thường. Thời đức Phật các vị Tỳ-kheo vào rừng thi lâm để quán xác chết. Ngày nay, người xuất gia đi tụng kinh cho người mất cũng quán chiếu như vậy:

*Ta thấy người khác chết
Trong lòng rất xót xa*

*Chẳng những xót kẻ mất
Vì sẽ đến phiên ta!*

Lại nữa, nếu có tâm từ, vì kết duyên lành nên đi đám để giáo hóa chúng sinh, cũng phù hợp với tinh thần khát thực của đức Phật ngày xưa. Thuở xưa, đức Phật và chư Tăng hằng ngày ôm bình bát vào thành hay làng xóm khát thực còn vì muốn tạo cơ hội để chúng sinh kết duyên lành với Tam Bảo. Nhân đó, đức Phật và Tăng chúng mới có cơ hội gần gũi để thuyết Pháp độ sinh. Cũng vậy, nếu chúng ta đến nhà tang gia, nhân cảnh vô thường khai thị Phật Pháp, sẽ giúp được rất nhiều người tỉnh ngộ.

Hơn nữa, hiện nay nghi thức tụng niệm phần lớn đã được dịch ra Việt ngữ, do đó gia chủ có thể đọc theo để hiểu được lời Phật dạy. Vấn đề là, chúng ta nên bớt hình thức tán tụng hay nghi lễ rườm rà, chỉ giữ lại phần trang nghiêm của nghi thức tụng niệm để

giúp người thấy nghe khởi lòng tin hiểu. Thiết nghĩ, nếu làm được như vậy, thì có khác gì tinh thần khát thực, gần gũi giáo hóa chúng sinh của đức Phật và chư Tăng thuở xưa? Thuở đức Phật còn tại thế, mỗi ngày chư Tăng đều ôm bình bát vào thành khát thực để gieo duyên giáo hóa chúng sinh. Hiện nay chư Tăng ôm chuông mõ đến với gia đình Phật tử, vừa đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của xã hội, vừa gieo duyên để giáo hóa chúng sinh. Việc làm tuy có thể khác, nhưng động cơ và mục đích đều cao thượng giống nhau. Điều quan trọng là, người tu phải luôn chánh niệm tỉnh giác, ghi nhớ lời Phật dạy: “Như ong lấy mật hoa, chỉ lấy đi vị ngọt mà không hại sắc hương. Tỳ-kheo cũng như vậy, nhận của người cúng dường để dứt cơn đói khát, nên không được cầu nhiều, phá hư Đạo tâm người” (*Kinh Di Giáo*).

4. Lời căn dặn cuối cùng

Ngoài phần nội dung tư tưởng, *Kinh Di Giáo* còn đem lại cho người đọc tụng cảm xúc sâu sắc, củng cố Đạo tâm, và sách tấn người xuất gia dũng tiến trên đường giải thoát. Sau khi giáo giới xong, đức Phật đã nói lời sau cùng:

- Cho nên phải biết rằng, thế gian vốn vô thường, có hợp phải có tan, đừng ôm lòng buồn khổ. Thế gian vốn như vậy, phải siêng tu tinh tấn, sớm cầu đạo giải thoát. Hãy dùng trí tuệ sáng trừ bóng tối si mê!

- Nay các thầy Tỳ-kheo, phải nên luôn nhất tâm, siêng cầu đạo giải thoát. Tất cả pháp thế gian hoặc động hay bất động, đều là tướng vô thường, không có gì an ổn. Các ông hãy dừng lại, không được nói gì thêm. Giờ khắc đã đến rồi, Như Lai sắp diệt độ. Đây là lời răn dạy cuối cùng ta để lại.

Có gì tha thiết và xúc động hơn trước những lời ân cần nhắc nhở này của đức Thế Tôn? Bảo sao mà các bậc chưa chứng A-la-hán dù cố kìm nén cũng phải rơi lệ tiếc thương!

Khi tụng *Kinh Di Giáo*, chúng ta hãy quán tưởng mình đang ở trong rừng Sa-la song thọ, trong giờ phút đức Thế Tôn sắp nhập niết-bàn. Chúng ta đang ở bên đức Thế Tôn, một người Cha, một bậc Thầy lớn, suốt mấy mươi năm bên ba khắp nơi giáo hóa chúng sinh. Hôm nay Ngài nằm đây, sắp từ giả trần gian vì tuổi cao sức yếu, thế mà còn gượng dậy để dạy cho con mình, cho học trò mình những lời tâm huyết nhất. Như vậy, từng câu từng chữ của lời kinh có thể thấm đến tận chỗ sâu nhất của tâm hồn, đánh thức lại sơ tâm xuất gia đã quên lãng, thấp sáng lên lý tưởng giải thoát đã lu mờ, và nung nóng nhiệt huyết của người mang chí xuất trần thượng sĩ!

5. Tâm nguyện hoằng dương

Cho nên, trong truyền thống thiền môn, *Kinh Di Giáo* đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong việc cảnh sách giới xuất gia. Đời Đường, Đường Thái Tông thậm chí còn ra sắc chỉ cho biên chép kinh này, giao cho quan ngũ phẩm trở lên và quan thứ sử ở các châu mỗi người một bản, để “nếu thấy hành nghiệp của Tăng Ni không giống với văn kinh, nên khuyên nhắc công khai hay riêng tư, khiến phải tuân hành.”³ Động cơ và cách làm của Đường Thái Tông còn cần phải xét lại, nhưng xưa nay đời sống phạm hạnh của Tăng Ni là mạng mạch của Phật giáo, chinh phục được lòng người, giành được sự ủng hộ của những người quyền thế là điều không thể tranh cãi.

3. Lý Thế Dân, “Sắc Chỉ Thi Hành *Kinh Phật Di Giáo*.” 佛遺教經施行敕「其官宦五品已上, 及諸州刺史, 各付一卷。若見僧尼行業, 與經文不同, 宜公私勸勉, 必使遵行。」 Toàn Đường Văn, q. 9.

Lại nữa, *Kinh Di Giáo* cũng được các bậc tông tượng trong thiền môn coi trọng và hoằng dương. Đời Bắc Tống, *Kinh Di Giáo*, *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* và *Quy Sơn Cảnh Sách* được in chung, với tên gọi là *Phật Tổ Tam Kinh*. *Kinh Di Giáo* và *Kinh Tứ Thập Nhị Chương* là *Kinh Phật*, còn *Quy Sơn Cảnh Sách* là *Kinh Tổ*. Bộ kinh điển này được dùng làm sách giáo khoa cho người mới bước vào Thiền Môn.⁴

4 Về các bản chú giải *Kinh Di Giáo*, chúng ta được biết khi Cưu-ma-thập phiên dịch *Phật Di Giáo Kinh*, Ngài cũng phiên dịch bản luận giải kinh này, tên là *Di Giáo Kinh Luận*, được ghi nhận là của Ngài Thế Thân, cũng có học giả cho là của Ngài Mã Minh. Đời Bắc Tống có *Phật Tổ Tam Kinh Chú* do Thủ Toại viết và *Di Giáo Kinh Luận Trụ Pháp Ký* do Nguyên Chiếu viết lưu hành. Nhưng có lẽ đời Minh là có nhiều bản chú giải nhất. Ví dụ, *Phật Di Giáo Kinh* Chỉ Nam do Ngài Đạo Phái soạn, *Phật Di Giáo Kinh Bồ Chú* do Liễu Đồng bổ chú bản chú giải của Thủ Toại, *Phật Di Giáo Kinh Luận Sớ Tiết Yếu*, do Ngài Tịnh Nguyên tiết yếu, Ngài Châu Hoàng (Liên Trì) bổ chú. Đại sư Ngẫu Ích cũng căn cứ vào *Di Giáo Kinh Luận* của Thế Thân viết *Di Giáo Kinh Giải*. Thời cận đại, Thái

Đối với bút giả, *Kinh Di Giáo* không những tóm tắt nghĩa lý chính yếu của *giải thoát đạo*, làm nền tảng cho *Bồ-tát đạo*, mà còn là bài cảnh sách cuối cùng mà đức Phật dành cho đệ tử xuất gia. Không nỡ để một bộ Thánh điển quý giá và thiết thực như thế này mai một hay quên lãng, bút giả đề xướng tụng *Kinh Di Giáo* và đọc cảnh sách xuất gia trong thời công phu sáng thay cho tụng chú *Thủ Lăng Nghiêm*, một nghi thức ảnh hưởng của Mật giáo, chỉ được đưa vào khóa tụng từ cuối đời Nguyên, đầu đời Thanh ở Trung Quốc. Sau này, đọc *Phật Di Giáo Kinh Giảng Ký*, mới biết Thiền sư Thánh Nghiêm cũng yêu cầu các Sa-di và Sa-di ni tụng *Kinh Di Giáo* trong những ngày sám hối Bồ-tát. Để đưa *Kinh Di*

Hư Đại Sư cũng có *Phật Di Giáo Kinh Giảng Yếu*. Hòa thượng Thánh Nghiêm hiện nay cũng có *Phật Di Giáo Kinh Giảng Ký*. Đây là những tài liệu quan trọng để hiểu rõ hơn về *Kinh Di Giáo*. Xem Thích Thánh Nghiêm, “Liên Quan Đến Chú Giải *Kinh Di Giáo*”, trong *Phật Di Giáo Kinh Giảng Ký*, tr. 2.

Giáo thành khóa tụng hằng ngày trong Thiền môn là một việc làm không dễ vì đi ngược lại tập quán đã lâu ở các chùa Việt Nam. Nhưng theo bút giả, ít ra vào những ngày sám hối Bồ-tát, chúng xuất gia nên đọc tụng lại *Kinh Di Giáo*, nhất là vào mùa an cư kiết hạ của chư Tăng Ni. Đây là việc làm có thể khả thi trước mắt.

Vì lý do này, bút giả dịch *Kinh Di Giáo* theo nhịp câu năm chữ, chú trọng âm điệu hài hòa, dễ đọc dễ tụng. Kinh này được bút giả sử dụng ở Tu Viện Thiện Tường trong thời công phu sáng mỗi ngày và khóa tu xuất gia báo ân hằng năm. Bút giả từng in *Kinh Di Giáo* chung với tiểu sử và bài cảnh sách của Pháp sư Đạo An, cũng như phần chú giảng của riêng mình, lấy tên là *Phật Tổ Cảnh Sách*. Sách được ấn tống cúng dường cho các chùa và tăng ni Phật tử trong các khóa tu học và an cư kiết hạ tại Hoa Kỳ và Canada. Trong Khóa An Cư Kiết Hạ tại Chùa Điều Ngự Hoa Kỳ và Tu Viện Tây

Thiên Canada năm 2019, bút giả đã giới thiệu bản dịch *Kinh Di Giáo* này với đại chúng. Chư tăng ni còn thọ trì đọc tụng bản dịch *Kinh Di Giáo* này trong khóa an cư. Đại chúng đều vô cùng hoan hỷ, tán thán, và khích lệ bút giả in ấn rộng rãi để phổ biến các nơi. Cho nên, hôm nay bút giả quyết định tái bản quyển Kinh này để đáp ứng nhu cầu tu học của tăng ni và Phật tử trong và ngoài nước.

Sự phiên dịch chắc chắn không sao tránh được chỗ sơ suất. Ngưỡng mong chư Tôn đức, chư Thiện tri thức từ bi chỉ dạy. Nếu trong việc phiên dịch có sai lời Phật ý Tổ, đó là do bút giả học nghiệp chưa tinh, ngộ tánh nông cạn, xin thành tâm sám hối và nguyện một mình chịu trách nhiệm. Còn nếu có chút công đức phước lành, đây là nhờ ân đức giáo dưỡng của Thầy Tổ, công ơn hộ trì của đàn-na tín thí suốt bao năm qua. Bút giả xin thành

tâm hồi hướng công đức về tất cả chúng sinh, trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ ba đường, nguyện kẻ thấy người nghe, đều phát Bồ-đề tâm, đồng trọn thành Phật đạo.

Nam-mô Chứng Minh Sư Bồ-tát Ma-ha-tát.

Viết lại ngày 24 tháng 02, 2020

*Từ lời giới thiệu ngày 11 tháng 05, năm
2018 trong Phật Tổ Cảnh Sách*

Sakya Minh-Quang căn bút.

TÁN THÁN ĐỨC PHẬT

Pháp Vương vô thượng trong đời

Nhân thiên ba cõi không người

sánh ngang

Là Thầy dạy khắp thế gian

Là Cha lành của vô vàn chúng sanh

Quy y trong một niệm lành

Nghiệp vô lượng kiếp hóa thành

sạch không

Tán dương Phật đức mênh mông

Dù trăm ngàn kiếp cũng không

tận cùng (1 xá).

QUÁN TƯỞNG ĐẢNH LỄ

Chúng sanh, chư Phật vốn đồng

Cả hai rỗng lặng, một dòng

tánh không

Chỉ thành quán tưởng suốt thông

Đạo giao cảm ứng thật không

ngĩ bàn.

Mười phương Phật, một đạo tràng

Lại qua ảnh hiện như màn Đế châu

Nay con quy mạng cúi đầu

Lễ trước chư Phật nhiệm màu

chứng minh. (1 xá)

ĐÁNH LỄ TAM BẢO

**1. Kính lạy Phật Cha lành giác ngộ
Đã bao đời cứu khổ quần sanh
Như trăng giữa thảng tròn vành
Sáng soi mỗi bước tu hành con đi.**

**Đệ tử chúng con xin quy y Chư
Phật trong ba đời mười phương.**

(1 lạy)

**2. Kính lạy Pháp thuyền từ phổ độ
Đưa người qua biển khổ mênh mông
Giúp con sống trọn tấm lòng
Thương yêu tỉnh thức giữa vòng
tham sân.**

**Đệ tử chúng con xin quy y Chư
Tôn Pháp trong ba đời mười phương.**

(1 lạy)

**3. Kính lạy Tăng bậc Thầy cao cả
Thầy Phật-đà giáo hóa quần sanh
Dạy con biết lối tu hành
Trao đèn Chánh Pháp, phước lành
thế gian.**

**Đệ tử chúng con xin quy y Chư
Hiền Thánh Tăng trong ba đời mười
phương. (1 lạy)**

**Nam-mô Lăng Nghiêm Hội Thượng
Phật Bồ-tát (2 lần)**

**Nam-mô Lăng Nghiêm Hội Thượng
Phật Bồ-tát Ma-ha-tát.(c)**

**Diệu trạm, tổng trì, bất động tôn
Lăng Nghiêm hy hữu, Diệu Pháp môn
Tiêu trừ ức kiếp điên đảo tướng
Pháp thân đốn ngộ, tuyệt danh ngôn!**

**Con nguyện đắc quả, thành Bảo Vương
Trở lại độ sinh số không lường
Thâm tâm phụng sự vi trần cõi
Vì đền ơn Phật đã xót thương!**

**Xin đức Thế Tôn vì chứng minh:
Con vào cõi trước độ chúng sinh**

**Nếu còn một ai chưa thành Phật
Thệ chẳng niết-bàn cho riêng mình!**

**Đại hùng, đại lực, đại từ bi
Mong lại thăm trừ vi tế si
Giúp sớm lên bờ Vô thượng giác
Mười phương thành Đạo, rải mưa bi!**

**Tánh hư không có thể tiêu vong
Tâm kiên cố này không động chuyển.(c)**

**Nam-mô Thường-trụ Thập-phương Phật.
Nam-mô Thường-trụ Thập-phương Pháp.
Nam-mô Thường-trụ Thập-phương Tăng.
Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.
Nam-mô Phật Đánh Thủ Lăng Nghiêm.
Nam-mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-Tát.
Nam-mô Đại Trí Văn-thù Sư-lợi Bồ-tát**

Nam-mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát

Nam-mô Đại Nguyện Địa Tạng

Vương Bồ-tát

Nam-mô Kim Cang Tạng Bồ-tát. (c)

**Án, a na lệ, tỳ xá đề, bệ ra bạt xà ra
đà rị, bàn đà bàn đà nể, bạt xà ra bàn
ni phẩn. Hổ hồng, đô lô ung phẩn, ta
bà ha. (3 lần)**

TÁN LƯ HƯƠNG

Lư hương vừa bén chiêm đàn
Khói thơm ngào ngạt muôn ngàn
cõi xa
Tâm thành tưởng Phật thiết tha
Tùy nơi cảm ứng hiện ra mây lành
Vừa sinh một niệm chí thành
Toàn thân Phật hiện phước lành
vô biên.

Nam-mô Hương vân cái Bồ-tát *(2 lần)*
Nam-mô Hương vân cái Bồ-tát
Ma-ha-tát.

Nam-mô Thập Phương Thường
Trụ Tam Bảo *(3 lần)*.

PHÁT NGUYỆN THỌ TRÌ

Kính lạy đức Từ Phụ,
Bốn Sư Thích-ca Văn
Cùng bao đời Chư Tổ
Từ bi đã dạy răn.
Nay con phát nguyện lớn
Thọ trì đọc tụng kinh
Trên đền bốn ơn nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nguyện kẻ thấy người nghe
Đều phát Bồ-đề tâm
Đời đời làm bạn lành
Đồng hành Bồ-tát đạo.
Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

(3 lần)

PHẬT NÓI KINH DI GIÁO

Phật Thích-ca Mâu-ni lần đầu chuyển Pháp luân độ ngài Kiền-trần-như, cho đến lần sau cùng độ Tu-bạt-đà-la, những ai nên được độ Như Lai đều đã độ. Lúc sắp vào Niết-bàn, trong đêm khuya thanh vắng, không có một tiếng động, giữa hai cây Sa-la, đức Phật vì đệ tử nói tóm lược Pháp yếu.

Này các thầy Tỳ-kheo, sau khi ta nhập diệt, các ông nên tôn kính Ba-la-đề-mộc-xoa, là giới biệt giải thoát, như người tối gặp sáng,

người nghèo được của báu. Các ông nên biết rằng, giới chính là Thầy lớn; dù ta còn ở đời, cũng không khác giới này.

Người giữ gìn tịnh giới không được làm kinh doanh hay mua sắm nhà đất, chứa tôi tó, nô tỳ, và chăn nuôi gia súc. Phải tránh việc trồng trọt, tiền tài và châu báu như tránh xa hầm lửa. Không được chặt cây cỏ, khai khẩn cày xới đất, điều chế các loại thuốc, xem tướng bói tốt xấu, coi sao tính lợi hại, xem lịch chọn ngày tốt.... Những việc làm như vậy đều không nên vi phạm.

Phải biết tiết chế thân, ăn uống nên đúng thời, sống thanh tịnh đạm bạc. Không được tham dự vào các việc của thế gian, làm sứ giả liên lạc, chú thuật chế thuốc tiên, kết giao kẻ quyền quý, gần gũi mong trọng hậu, rồi ngạo mạn khinh người. Những việc thế tục này đều không nên vi phạm.

Nên đoan chánh tâm mình, chánh niệm cầu giải thoát. Không được che giấu lỗi, tỏ lạ thường dối người. Đối bốn việc cúng dường biết đủ biết hạn lượng; dù cho được cúng nhiều, cũng chia sẻ người khác mà không nên tích chứa.

Trên đây là tóm lược về tướng trạng trì giới. Giới thuận gốc giải thoát nên giới được gọi là Ba-la-đề-mộc-xoa, tức là thuận giải thoát. Do nương nơi giới này sinh được các thiên định và trí tuệ diệt khổ. Vì vậy là Tỳ-kheo phải giữ gìn tịnh giới, chớ hủy phạm thiếu khuyết. Ai trì giới thanh tịnh sẽ có được pháp lành. Nếu giới không thanh tịnh, công đức lành không sinh. Cho nên phải biết giới là trụ xứ công đức an ổn vào bậc nhất.

Này các thầy Tỳ-kheo, đã an trụ tịnh giới, phải chế ngự năm căn, đừng để năm căn này buông lung

vào năm dục, như người đang chăn trâu cầm roi luôn canh chừng, không để phạm lúa mạ. Nếu buông lung năm căn, không chỉ phạm năm dục, mà phóng túng vô cùng, không thể chế ngự được. Cũng ví như ngựa dữ không dùng cương chế ngự, sẽ kéo người dẫn ngựa rơi vào trong hố sâu.

Bị giặc cướp làm hại chỉ khổ trong một đời, giặc năm căn gây họa, khổ đến trăm ngàn đời! Năm căn gây tai họa thật hết sức nghiêm trọng, các ông phải cẩn thận!

Cho nên, người có trí chế ngự năm căn mình, không buông lung

theo chúng. Hãy phòng hộ năm căn như luôn canh giữ giấc, không một chút buông lơi. Nếu buông lung năm căn, thì cũng không bao lâu, các căn bị diệt vong!

Tâm làm chủ năm căn. Cho nên các ông phải khéo chế phục tâm mình. Tâm thật rất đáng sợ còn hơn là rắn độc, thú dữ hay giặc thù, hoặc lửa lớn cháy lan, cũng chưa đủ ví dụ! Như người cầm bình mật bước đi không cẩn trọng, chỉ nhìn vào bình mật mà không thấy hổ sâu. Như voi điên không móc, khi vượn gặp rừng cây, xông chạy và leo chuyền, tâm

thật khó cấm chế! Cho nên phải mau gấp chế ngự được tâm này không để cho buông lung. Nếu buông lung tâm này, sẽ đánh mất việc lành; chế ngự tâm một chỗ, không việc gì không xong! Cho nên, các Tỳ-kheo phải nên luôn tinh tấn, chiết phục tâm ý mình.

Này các thầy Tỳ-kheo, khi nhận đồ ăn uống phải thọ dụng như thuốc, đối với món ngon dở, không tham cũng không chê, chỉ dùng để nuôi thân, nhằm dứt trừ đói khát. Như ong lấy mật hoa, chỉ lấy đi vị ngọt mà không hại sắc hương. Tỳ-kheo cũng như vậy, nhận của người

cúng dường để dứt cơn đói khát, nên không được cầu nhiều, phá hư Đạo tâm người. Ví như người có trí, biết ước lượng sức trâu, không để kéo quá sức, khiến trâu bị kiệt lực.

Này các thầy Tỳ-kheo, ban ngày nên nhiếp tâm siêng tu các pháp lành, không để lỡ thời khóa. Đầu đêm và cuối đêm cũng không có phế bỏ. Giữa đêm nên tụng kinh để chấm dứt phiền não. Đừng vì lý do ngủ để đời mình trôi qua vô ích không thành tựu. Phải nhớ lửa vô thường luôn thiêu đốt thế gian để sớm cầu tự độ, đừng có tham ngủ nghỉ. Giặc

phiền não rình rập còn dữ hơn oan gia thừa cơ giết chết mình, tại sao các ông lại yên lòng mà ngủ nghỉ, không biết tự giác tỉnh? Con rắn độc phiền não ngủ trong tâm các ông như con rắn độc đen đang nằm ngủ trong phòng! Các ông phải mau dùng móc trì giới lôi ra! Rắn ngủ đã ra khỏi mới an tâm nằm ngủ. Rắn ngủ chưa ra khỏi mà lại lo nằm ngủ, là người không hổ thẹn!

Hổ thẹn là y phục đẹp nhất trang nghiêm thân. Hổ thẹn là móc sắt chế phục điều phi pháp. Phải có tâm hổ nhục, không lúc nào tạm

quên. Nếu rời tâm hổ nhục sẽ mất các công đức. Người có tâm hổ thẹn sẽ có được pháp lành; người không có hổ thẹn không khác loài cầm thú!

Này các thầy Tỳ-kheo, nếu có người chặt đứt thân ông ra từng phần, hãy nên thu nhiếp tâm, không để sân hận khởi. Cũng nên giữ cửa miệng, đừng thốt ra lời ác. Nếu tâm sân nổi lên sẽ tự mình chướng Đạo, đánh mất vốn công đức. Công đức của nhẫn nhục còn lớn hơn công đức của trì giới, khổ hạnh! Người nhẫn nhục như vậy mới có thể gọi là bậc đại nhân sức

mạnh. Ai không thể hoan hỷ nhẫn chịu độc mắng chửi như uống nước cam lộ thì không thể gọi là người nhập đạo trí tuệ. Vì sao lại như vậy? Cái hại của sân hận phá huỷ mọi pháp lành, làm tổn hại tiếng tốt, đời này và đời sau không ai thích gặp mặt. Nên biết tâm sân hận còn hại hơn lửa dữ, cho nên thường phòng hộ, không để sân xâm nhập. Giặc dữ cướp công đức không gì hơn sân hận.

Người bạch y ở đời còn hưởng thụ dục lạc, không phải người hành đạo, không thể chế phục tâm, nên nếu họ sân hận cũng có thể

cảm thông. Còn người đã xuất gia thực hành đạo giải thoát là người sống vô dục mà ôm lòng sân hận, là điều không thể được. Như trời quang mây tạnh, khí hậu lại mát mẻ mà sấm sét nổi lên, cỏ cây bị bốc cháy, là điều không thích hợp.

Này các thầy Tỳ-kheo, hãy tự xoa lên đầu! Các ông đã dẹp bỏ cái đẹp của trang sức, đắp chiếc y hoại sắc, hai tay cầm bình bát sống bằng hạnh khát thực. Nếu thấy mình như vậy mà khởi tâm kiêu mạn nên mau chóng dứt trừ. Nuôi lớn lòng kiêu mạn là điều người bạch y ở đời không nên có, huống chi

người xuất gia vào Đạo vì giải thoát, hạ mình đi xin ăn?

Này các thầy Tỳ-kheo, tâm dua nịnh trái Đạo! Cho nên phải giữ tâm luôn chân thật ngay thẳng. Nên biết tâm dua nịnh chỉ vì dối gạt người. Người đã vào trong Đạo đừng dua nịnh như vậy. Cho nên các ông phải đoan chánh tâm ý mình, lấy tâm ý ngay thẳng làm gốc của tu hành.

Này các thầy Tỳ-kheo, nên biết người đa dục, cầu lợi nhiều, khổ nhiều. Người thiếu dục vô cầu, vì không có dục vọng nên không có tai họa. Nếu ít muốn chỉ được

bao nhiêu đó lợi ích cũng phải nên tu tập, huống chi là ít muốn còn có thể sinh ra nhiều công đức khác nữa.

Người ít muốn sẽ không đua nịnh lấy lòng người; cũng không bị các căn lôi kéo vào năm dục. Người ít muốn thanh thản không có gì sợ hãi, gặp việc đều tự tại, thường tự thấy đầy đủ. Người có tâm ít muốn tức có được Niết-bàn. Đây gọi là ít muốn.

Này các thầy Tỳ-kheo, nếu muốn thoát khổ não nên quán xét biết đủ. Biết đủ là giàu vui và là chỗ an ổn. Người biết đủ tuy nằm

trên đất vẫn an vui, người mà không biết đủ dù ở nơi thiên đường, cũng không thấy vừa ý. Người mà không biết đủ tuy giàu nhưng lại nghèo, người biết đủ tuy nghèo lại vô cùng giàu có. Người mà không biết đủ bị năm dục kéo lôi, người biết đủ thấy vậy, cảm thấy thật đáng thương. Đây gọi là biết đủ.

Này các thầy Tỳ-kheo, muốn cầu vui vắng lặng phải xa lìa ồn náo, một mình tu chỗ vắng. Người biết sống một mình được Đế Thích, chư thiên đều hết lòng kính trọng. Cho nên các ông phải xa rời hội

chúng mình, hay hội chúng người khác, sống một mình nơi vắng, vô sự để thiên tư, chấm dứt cội gốc khổ. Nếu thích nơi đông người sẽ gánh chịu nỗi phiền. Ví như cây to lớn chim chóc tụ tập đông sẽ có họa khô gãy. Người bận rộn vướng mắc bởi những việc thế gian sẽ mãi mãi chìm đắm trong biển khổ sinh tử, như voi già sa lầy, không thể tự ra khỏi. Đây gọi là viễn ly.

Này các thầy Tỳ-kheo, nếu siêng năng tinh tấn không có việc gì khó; như một dòng nước nhỏ chảy mãi

cũng xuyên đá. Cho nên các ông phải siêng tinh tấn tu tập. Tâm hành giả lười nhác sẽ phế bỏ công phu. Như dùi cây lấy lửa, nếu cây còn chưa nóng mà đã vội dừng tay, không sao có lửa được. Đây gọi là tinh tấn.

Này các thầy Tỳ-kheo, cầu bậc thiện tri thức và cầu người hỗ trợ cũng không bằng chánh niệm luôn luôn được hiện tiền. Ai không quên chánh niệm giặc phiền não không vào. Cho nên các ông phải thường nhiếp niệm nơi tâm. Ai đánh mất chánh niệm là đánh

mất công đức! Nếu sức chánh niệm mạnh, tuy vào trong năm đục cũng không sợ bị hại. Như dũng sĩ mặc giáp không sợ hãi ra trận. Đây là luôn chánh niệm.

Này các thầy Tỳ-kheo, nhiếp tâm sẽ được định. Tâm định biết được tướng sinh diệt của thế gian. Cho nên các ông phải tinh tấn tu thiền định. Nếu người đã đắc định, tâm không còn phân tán. Như nhà nông quý nước khéo xây bờ đắp đê, hành giả cũng như vậy, vì giữ nước trí tuệ nên khéo tu thiền định, không để trí tuệ mất. Đây gọi là thiền định.

Này các thầy Tỳ-kheo, người mà có trí tuệ sẽ không có tham đắm, thường quán sát lại mình, không để bị lầm lỗi, có thể được giải thoát trong giáo Pháp của ta. Nếu không có trí tuệ không phải là Đạo nhân, cũng không phải bạch y, không biết gọi là gì! Trí tuệ là thuyền chắc giúp vượt biển sinh tử, trí tuệ là đèn lớn phá tan tối vô minh, trí tuệ là thuốc thần trị lành mọi bệnh khổ, trí tuệ là búa bén đốn ngã cây phiền não. Cho nên các ông phải lắng nghe, khéo tư duy và thực hành giáo Pháp, để trí tuệ tăng trưởng, có được lợi ích lớn

trên con đường giải thoát. Có trí tuệ soi chiếu tuy không có thiên nhãn vẫn là người thấy được rất rõ ràng sáng suốt. Đây gọi là trí tuệ.

Này các thầy Tỳ-kheo, hý luận khiến tâm loạn, tuy là người xuất gia vẫn không thể thoát khỏi. Cho nên Tỳ-kheo phải buông bỏ gập hý luận khiến loạn tâm của mình. Các ông muốn hưởng được niềm an vui tịch diệt thì phải khéo diệt trừ tai họa của hý luận. Đây là không hý luận.

Này các thầy Tỳ-kheo, hãy nhất tâm tu tập các công đức pháp lành, và tránh sự biếng nhác như

tránh xa giặc thù. Tu tập như thế nào, được lợi ích ra sao, đã được đức Thế Tôn nói ra hết tất cả vì thương xót chúng sinh. Điều còn lại chính là các ông phải tinh tấn thực hành lời ta dạy. Dù ở trong núi rừng, hay bên bờ ao vắng, hoặc ngồi dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, tịnh thất..., các ông phải luôn nhớ Pháp mình đã nhận lãnh, đừng để cho quên mất. Thường khích lệ bản thân, luôn tinh tấn tu tập, không để chết vô ích, rồi hối hận về sau. Ta như vị lương y biết bệnh và biết thuốc, còn chịu uống hay không là tùy vào người bệnh, không phải lỗi lương y! Ta

như người dẫn đường, dẫn người vào đường tốt; nghe mà không chịu đi, không phải lỗi người dẫn!

Đối với bốn Thánh đế: khổ, tập, diệt và đạo, các ông có gì nghi, hãy mau mau thưa hỏi, đừng để ở trong lòng, mà không cầu giải quyết.

Bấy giờ đức Thế Tôn lặp lại đến ba lần, nhưng không có ai hỏi. Vì sao lại như vậy? Vì không ai nghi ngờ. Ngài A-nậu-lâu-đà lúc đó hiểu lòng chúng, nên bạch đức Phật rằng: “Kính bạch đức Thế Tôn, mặt trăng có thể nóng, mặt trời có thể lạnh, nhưng bốn Thánh đế này do

đức Phật nói ra không sao sai khác được. Đức Phật nói khổ để thật sự đó là khổ, không thể khiến thành vui; tập để chính thật là nguyên nhân của khổ để, không nguyên nhân nào khác. Nói chấm dứt đau khổ là chấm dứt nhân khổ. Do nhân khổ đã diệt, nên quả khổ cũng diệt. Đạo để là con đường chấm dứt khổ để này. Đây là đường chân chính, không có đường nào khác. Kính bạch đức Thế Tôn, những vị Tỳ-kheo này không có gì nghi ngờ đối với bốn Thánh đế.”

Trong hội chúng lúc đó, ai chưa chứng Thánh quả, thấy đức Phật

diệt độ đều xúc động buồn thương. Những ai mới thâm nhập nơi giáo nghĩa Phật Pháp, nghe lời Phật giảng xong, thấy đều được đắc độ. Như đêm thấy ánh sáng lóe ngang qua bầu trời, thấy Đạo cũng như vậy. Còn ai đã tu xong, vượt qua được biển khổ, chỉ nghĩ như thế này: “Đức Thế Tôn diệt độ, sao mà mau chóng quá!”

Tuy A-nậu-lâu-đà đã thừa Thế Tôn rằng mọi người đều hiểu rõ ý nghĩa bốn Thánh đế, nhưng với lòng đại bi, Thế Tôn muốn mọi người được đạo tâm kiên cố, nên

tiếp tục dặn dò: “Này các thầy Tỳ-kheo, đừng ôm lòng buồn thương. Dù ta có ở đời dài lâu đến một kiếp, cuối cùng cũng nhập diệt. Hội họp mà chẳng tan là điều không thể có. Như Lai đã làm đủ pháp tự lợi lợi tha. Nếu ta ở lâu hơn trong cõi thế gian này cũng không lợi ích gì. Những ai có thể độ, dù cõi trời cõi người, Như Lai đều đã độ; những ai chưa độ được, Như Lai đều gieo duyên được đắc độ về sau. Từ nay đến tương lai, nếu đệ tử của ta lần lượt hành Chánh Pháp, pháp thân của Như Lai sẽ thường trú bất diệt.

Cho nên phải biết rằng, thế gian vốn vô thường, có hợp phải có tan, đừng ôm lòng buồn khổ. Thế gian vốn như vậy, phải siêng tu tinh tấn, sớm cầu đạo giải thoát. Hãy dùng trí tuệ sáng trừ bóng tối si mê!

Cuộc đời rất mong manh, không có gì chắc thật. Hôm nay ta tịch diệt như trừ được bệnh dữ. Thân này nên xả bỏ, vật gây bao tội ác, giả danh gọi là thân, chìm đắm mãi trong biển sinh già bệnh và chết. Xả bỏ được thân này như giết được giặc thù, người trí sao lại không sinh khởi lòng hoan hỷ?

Này các thầy Tỳ-kheo, phải nên luôn nhất tâm, siêng cầu đạo giải thoát. Tất cả pháp thế gian hoặc động hay bất động, đều là tướng vô thường, không có gì an ổn. Các ông hãy dừng lại, không nên nói gì thêm. Giờ khắc đã đến rồi, Như Lai sắp diệt độ. Đây là lời răn dạy cuối cùng ta để lại.

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca

Mâu-ni Phật.

TÂM KINH

Kinh Ma-ha Bát-nhã

Ba-la-mật tâm yếu

Bồ-tát Quán Tự Tại

Khi thực hành Bát-nhã

Ba-la-mật thâm sâu

Quán chiếu thấy năm uẩn

Đương thể đều là không

Vượt qua vòng khổ ách.

Xá-lợi-phất lắng nghe

Sắc chẳng khác tánh không

Tánh không chẳng khác sắc

Sắc chính là tánh không

Tánh không chính là sắc

Thọ, tưởng, hành và thức

Bản chất cũng như vậy.

Lại nữa, Xá-lợi-phất
Các pháp thật tướng không
Không sinh cũng không diệt
Không sạch cũng không nhơ
Không thêm cũng không bớt;
Không có năm thủ uẩn:
Sắc, thọ, tưởng, hành, thức;
Không có sáu căn: mắt
Tai, mũi, lưỡi, thân, ý;
Không có sáu trần: sắc
Thanh, hương, vị, xúc, pháp;
Cũng không có sáu thức:
Nhãn thức đến ý thức;
Mười tám giới đều không.
Không có mười hai duyên:
Vô minh đến già chết;
Không có hết vô minh

**Cho đến hết già chết.
[Lưu chuyển và hoàn diệt
Cả hai chiều đều không.]
Không có bốn thánh đế:
Khổ, tập, diệt và đạo.
Không có trí có đắc
Vì không có sở đắc.
Bồ-tát y Bát-nhã
Ba-la-mật-đa này
Tâm không còn chướng ngại
Do không có chướng ngại
Nên không có sợ hãi
Lìa mộng tưởng đảo điên
Đến Niết-bàn cứu cánh.
Chư Phật trong ba đời
Đều y nơi Bát-nhã
Đắc Vô Thượng Bồ-đề.**

**Thế nên biết Bát-nhã
Là chân ngôn đại thần
Là chân ngôn đại minh
Là chân ngôn vô thượng
Không chân ngôn nào bằng
Có vi diệu công năng
Diệt trừ tất cả khổ
Chân thực không dối hư
Liền nói ra chú rằng:
Ga tê, ga tê, ba ra ga tê, ba ra sam ga
tê, bô đi xóa ha (3 lần).**

*(Gate gate paragate parasamgate
bodhi svaha)*

**ĐẢNH LỄ TRI ÂN
ĐỨC PHẬT BỔN SƯ**

1. Chủ lễ xưng:

Nhất tâm đánh lễ:

Từ vô lượng kiếp xưa

Luôn hành Bồ-tát đạo

Xả thân mình gieo giống từ bi

Công đức ấy không sao ví được.

Đại chúng hòa:

Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lạy).

2. Chủ lễ xưng:

Nhất tâm đánh lễ:

Cõi Ta-bà thị hiện

Nơi dòng Thích thọ sanh

***Thánh Ma-da mộng ứng điềm lành
Nơi vương thất chan hòa phước lạc.***

Đại chúng hòa:

Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

3. Chủ lễ xướng:

Nhất tâm đánh lễ:

Nơi vườn Lâm-tỳ-ni

Thị hiện tướng đản sanh

Hoa sen nâng bảy bước du hành

Chỉ Phật tánh, xưng tôn ba cõi.

Đại chúng hòa:

Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

4. Chủ lễ xướng:

Nhất tâm đánh lễ:

Dạo nơi bốn cửa thành

Thấy lễ khổ chúng sanh

***Vì thương đời một dạ tu hành
Bỏ tất cả xuất gia tầm đạo.***

Đại chúng hòa:

Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

5. Chủ lễ xướng:

Nhất tâm đánh lễ:

***Sáu năm tu núi Tuyết
Trải bao cảnh gió sương
Tìm chân lý soi sáng đêm trường
Trong tâm Ngài lai láng tình thương.***

Đại chúng hòa:

Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

6. Chủ lễ xướng:

Nhất tâm đánh lễ:

***Tìm ra đường trung đạo
Lìa vui khổ hai đường***

***Dùng định tuệ hàng phục ma vương
Sao mai mọc thành ngôi Vô Thượng.***

Đại chúng hòa:

Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

7. Chủ lễ xướng:

Nhất tâm đánh lễ:

Suốt bốn mươi lăm năm

Không nề bao gian khổ

Đem Chánh Pháp từ bi tế độ

Trời người đều ngưỡng mộ tu hành.

Đại chúng hòa:

Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

8. Chủ lễ xướng

Nhất tâm đánh lễ:

**Rừng Sa-la song thọ
Độ chúng đã mãn duyên
Thị hiện nhập vô dư Niết-bàn
Lưu xá-lợi rộng độ nhân thiên.**

Đại chúng hòa:

Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (1 lay).

KINH HÀNH NIỆM PHẬT

Nam-mô Thích-ca Mâu-ni Phật

(3 vòng)

Nam-mô Đại Trí Văn-thù-sư-lợi

Bồ-tát (3 lần)

Nam-mô Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát

(3 lần)

Nam-mô Hộ Pháp Chư Tôn Bồ-tát

(3 lần)

Nam-mô Đạo Tràng Hội Thượng

Phật Bồ-tát (2 lần)

Nam-mô Đạo Tràng Hội Thượng

Phật Bồ-tát Ma-ha-tát.

SÁM QUY MẠNG¹

Quy mạng Điều Ngự trong
mười phương
Pháp mầu thanh tịnh khéo
tuyên dương
Thánh Tăng bốn quả ba thừa Pháp²
Xin dũ lòng từ, nguyện xót thương.
Đệ tử chúng con,
Tự xa chân tánh,
Uống đọa dòng mê
Theo sinh tử mãi thặng trầm
Tham sắc thanh luôn ô nhiễm.
Mười nghìn³ mười sử⁴
Kết thành hữu lậu nghiệp nhân;
Sáu căn⁵ sáu trần⁶
Làm tạo biết bao tội lỗi.

**Đắm chìm biển khổ
Lạc bước đường tà
Chấp ngã, chấp nhân
Sai lầm điên đảo.
Nhiều đời nghiệp chướng
Tất cả tội khiên
Nguyện Tam Bảo đức từ bi
Chứng lòng thành con sám hối. (C)
Kính nguyện:
Thế Tôn cứu độ
Bạn tốt dắt dìu
Ra khỏi phiền não sông mê
Bước lên Bồ-đề bến giác.
Hiện đời bình an phước lạc
Sở nguyện tựu thành;
Kiếp sau mầm giác đơm hoa
Bồ-đề kết quả.**

**Sinh nơi Phật Pháp
Sớm gặp minh sư
Chánh tín xuất gia
Tuổi thơ vào Đạo.
Sáu căn thông lợi
Ba nghiệp⁷ sạch trong
Chẳng nhiễm duyên đời
Thường tu phạm hạnh.
Nghiêm trì giới cấm
Chẳng vướng nghiệp trần
Vững chãi oai nghi
Không hại sinh vật.
Không gặp tám nạn⁸
Chẳng thiếu bốn duyên⁹
Bát-nhã trí được hiện tiền
Bồ-đề tâm luôn bất thoái.
Tu tập Chánh Pháp**

**Liễu ngộ Đại Thừa
Hành môn sáu độ¹⁰ lợi sinh
Vượt biển ba kỳ¹¹ thành Phật.
Dựng cờ Chánh Pháp nơi nơi
Phá lưới nghi ngờ lớp lớp
Hàng phục chúng ma
Nối dòng Tam Bảo.
Phụng sự mười phương chư Phật
Chẳng nề nhọc nhằn,
Tu tập tất cả pháp môn
Thấy đều thông đạt.
Rộng tu phước tuệ
Lợi lạc quần sinh,
Chứng được sáu loại thần thông
Chỉ trong một đời thành Phật.
Sau đó,
Không bỏ pháp giới**

Vào chốn trần lao
Từ bi đồng với Quán Âm
Hạnh nguyện rộng như Phổ Hiền.
Phương đây phương khác
Tùy thuận muôn loài
Ứng hiện sắc thân
Tùy cơ thuyết Pháp.
Trong đường địa ngục
Ngạ quỷ khổ đau
Hoặc phóng ánh quang minh
Hoặc hiện các thần biến
Nếu ai thấy thân con
Cho đến nghe được tên
Đều phát Bồ-đề tâm
Thoát hẳn luân hồi khổ.
Nơi có lò lửa sông băng
Thành rừng chiêm-đàn.

Kẻ nuốt nước đồng hoàn sắt

Hóa sinh Tịnh Độ.

Mang lòng đội sừng

Thiếu nợ hàm oan

Hết nỗi tâm toan

Thả đều lợi lạc.

Trong đời dịch bệnh

Hiện thành cây thuốc

Cứu bệnh trầm kha,

Lúc đói mất mùa

Hóa ra lúa gạo

Giúp người nghèo đói;

Chỉ cần lợi ích

Thệ chẳng từ nan.

Lại nguyện:

Oán thân nhiều kiếp

Quyến thuộc hiện tiền

**Hết đắm chìm trong bốn loại
Dứt ân ái buộc nhiều đời
Cùng với chúng sanh
Đồng thành Phật đạo.
Hư không có hạn
Nguyện con không cùng
[Hư không có hạn
Nguyện con không cùng]
Hữu tình vô tình
Đồng nên Phật trí.**

HỒI HƯỚNG

Trì kinh quán niệm phước vô biên
Hồi hướng chúng sinh khắp mọi miền
Nguyện ai còn đắm trong biển khổ
Sớm về nước Phật được an nhiên.

Nguyện tiêu ba chướng, hết phiền não
Nguyện được trí tuệ sạch trần lao
Phổ nguyện tội chướng đều tiêu trừ
Đòi đòi thường hành Bồ-tát đạo.

Nguyện đem công đức tu này
Hướng về tất cả, chung xây phước lành
Con cùng pháp giới chúng sanh
Đồng nên Phật đạo, đồng thành

Như Lai.

TỰ QUY Y

**Con tự quy y Phật
Nguyện tất cả chúng sanh
Tin hiểu Đạo Vô Thượng
Đồng phát Bồ-đề tâm (1 lay).**

**Con tự quy y Pháp
Nguyện tất cả chúng sanh
Thâm nhập nghĩa kinh tạng
Trí tuệ sâu như biển (1 lay).**

**Con tự quy y Tăng
Nguyện tất cả chúng sanh
Hòa hợp cùng đại chúng
Sống vô ngại, an lành (1 lay).**

TỨ HOẰNG THỆ NGUYỆN

**Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ
 Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
 Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
 Phật đạo vô thượng thệ
 nguyện thành.**

Chú thích Sám Quy Mạng

¹ Đây vốn là bài văn phát nguyện của thiền sư Nhiên ở núi Di (怡山然禪師) được biên tập trong sách Truy Môn Cảnh Huấn, Đại Chánh Tạng, quyển 48, trang 1072. Bài phát nguyện này ảnh hưởng sâu rộng trong truyền thống Phật giáo Đại Thừa Đông Á, và được đưa vào công khóa để tụng niệm sáng chiều trong chốn thiền môn. Đây không những nhờ vào ý nghĩa sâu sắc của bài văn mà còn nhờ vào giọng văn lúc tha thiết, khi hùng tráng ... qua nhịp câu ngắn gọn, dứt khoát đi thẳng vào trái tim của người tụng đọc. Vì vậy, khi dịch sang Việt ngữ, dịch giả cố gắng giữ nguyên nhịp câu và đối ngẫu như nguyên tác chữ Hán, nhằm bảo tồn tối đa nhạc điệu và hình tượng đối xứng trong tác phẩm.

² Ba thừa pháp: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát thừa.

³ Mười triều: Mười loại tâm lý trói buộc chúng ta trong vòng sinh tử. 1. vô tầm (không biết hổ với mình) 2. vô quý (không biết thẹn với người) 3. tật (ghen ghét) 4. xan (keo kiệt) 5. hối (hối tiếc) 6. thù miên (tham ngủ nghỉ) 7. điệu cử (tâm loạn động) 8. hôn trầm (tâm hôn ám dã dượi) 9. phẫn (giận hờn) 10. phú (che giấu lầm lỗi của mình).

⁴ Mười sử: mười loại tâm lý sai khiến mình tạo nghiệp thọ khổ. 1. tham, 2. sân, 3. si, 4. mạn, 5. nghi, 6. thân kiến, 7. biên kiến, 8. kiến thủ, 9. giới cấm thủ, 10. tà kiến.

⁵ Sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

⁶ Sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp

⁷ Ba nghiệp: Thân, miệng, ý.

⁸ Tám nạn: Tám chướng nạn khiến chúng sinh khó tu học Phật pháp. 1. Địa ngục, 2. Ngạ quỷ, 3. Súc sinh, 4. cõi trời Trường Thọ, 5. Biên địa, nơi không có Phật pháp, 6. Thế trí biện thông, giỏi biện luận thế gian nhưng không tin pháp xuất thế, 7. Đui điếc tâm ngộ, 8. Sinh ra trước Phật hay sau Phật.

⁹ Bốn duyên: Bốn nhân duyên phát tâm Bồ Đề. Theo Kinh Bồ Tát Địa Trì đó là: 1. Thấy đạo lực thần thông không thể nghĩ bàn của chư Phật, Bồ tát nên phát tâm Bồ Đề. 2. Nghe nói đến công hạnh của Bồ tát nên phát tâm Bồ Đề. 3. Thấy đời mạt pháp, chánh pháp suy vi nên phát tâm Bồ Đề. 4. Vì lòng thương xót chúng sinh khổ nên phát tâm Bồ Đề.

¹⁰ Sáu độ tức sáu Ba la mật: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.

¹¹ Ba kỳ: Ba a tăng kỳ kiếp. A tăng kỳ có nghĩa vô số. Đây là ước lượng số kiếp lâu xa hành Bồ tát đạo để thành tựu quả Phật viên mãn.

THI KỆ PHỤ LỤC

NGUYỆN ĐỀN ƠN MẸ

*Cà-sa sương gió dãi dầu
Trong tim vẫn giữ một màu nghĩa ân
Lợi danh... biết rõ bụi trần
Báo ân xin nguyện dẫn thân vào đời!*

*Gót chân hồng Pháp khắp nơi
Góc quê con vẫn nhớ người Mẹ xưa
Ơn sinh dưỡng, nói sao vừa
Nát thân đền đáp cũng chưa kể gì!*

*Từ ngày con bước ra đi
Dâng cơm, sắc thuốc... chuyện gì cũng không!
Mẹ già tựa cửa ngóng trông
Mất mờ vì lệ, lưng còng vì lo!*

*Đường tu con vẫn đang dò
Mà Mẹ đã vội lên đò tử sanh!
Không dâng được Mẹ cơm canh
Cũng không có Pháp vô sanh cúng dường!*

***Bao nhiêu ân nghĩa, tình thương
Thành nguồn năng lượng trên đường tiến tu
Nguyên lòng gìn giữ công phu
Tham thiền, học đạo đường tu sớm thành.***

***Xưa mơ thiên nhãn đắc thành
Khắp nơi tìm Mẹ, thực hành hiếu tâm.
Nay ngộ Phật Pháp thậm thâm:
Mẹ vô lượng kiếp... trong tầm tay ôm!***

***Dặn lòng phụng sự sớm hôm
Trà thiền, sửa Pháp, bát cơm Bồ-đề.
Dù bao gian khổ chẳng nề
Trải tăng-kỳ kiếp không hề thoái tâm!***

Sakya Minh-Quang

TÁN THÁN XUẤT GIA

*Cơm chùa như núi chẳng phải lo
Xuất gia một bát vẫn đủ no
Vàng ròng ngọc trắng không phải quý
Đắp được cà sa phước mới to!*

*Trẫm là ngôi báu của giang san
Lo nước lo dân chuyện bộn bàn
Ba vạn sáu ngàn ngày là mấy?
Chẳng bằng thầy tu nửa buổi nhàn!*

*Lúc đến mịt mờ, đi lại mê
Uống công một kiếp cõi đi về
Chưa sinh ra ngã, ai là ngã?
Khi đã sinh rồi, ngã là ai?*

*Tiệc hạn năm xưa một niệm sai
Long bào đánh đổi áo Như Lai!
Ta vốn Tây Phương một nạp tử
Vì sao phú quý vương trần ai?*

***Mười tám năm qua chẳng tự do
Giang san ngồi mãi chỉ thêm lo
Hôm nay bỏ hết về với núi
Mặc đời lợi lớn với danh to!***

Hoàng Đế Thuận Trị
Sakya Minh-Quang dịch.

THƠ TỪ GIẢ VỢ ĐI XUẤT GIA

Nàng thấy chăng?

Cô gái xóm đông khỏe như hổ

Mang thai nặng nhọc không than khó

Tối qua còn đứng dựa cổng làng

Sáng nay đã ra ngoài thiên cổ!

Lại thấy chăng ?

Chàng trai xóm Tây mạnh như rồng

Ăn uống no rồi say giấc nồng

Hồn đi mãi miết không về lại

Sáng ra chỉ còn cái xác không!

Người trước mắt còn thế ấy

Bao người phương khác cũng như vậy

Rảnh suy tính lại kẻ thân quen

Năm tháng qua rồi còn lại mấy?

Vậy mới tin

Thơ Chu Hi

Lời lời chân thật chẳng sai chi:

“Hôm qua đầu đường còn cưới ngựa

***Sáng nay quan quách đã liệt thi!"
Người thông tuệ
Chớ ngủ mê
Người khác đã vậy mình cũng vậy
Thở chết chồn còn biết rơi lệ
Mình chết không thương, sao quá tệ!
Vào bụng lừa
Ở thai ngựa
Địa ngục khổ nào nói sao vừa
Muốn được thân người lại như nay
Khó hơn đáy biển mò kim nữa!
Tôi viết ra
Lời thiết tha
Mỗi lời lệ máu mỗi tuôn ra
Tình nghĩa một đời vài câu nhắn
Xin nàng quyết định, kéo ngày qua....***

Liên Trì Đại sư

Sakya Minh-Quang dịch.

BÀI TỤNG BỐN ƠN

*Kính lạy mười phương Phật
Xin chứng tâm lòng thành
Con nguyện tu hạnh hiếu
Đền ơn Phật chúng sanh.*

*Công sanh thành dưỡng dục
Hơn núi cả biển khơi
Con có mặt trên đời
Ơn cha mẹ trước hết.*

*Mười tháng mẹ cưu mang
Lâm bồn như lâm nạn
Đau khổ chẳng thở than
Tình mẹ hiền lai láng.*

*Công cha luôn tần tảo
Tìm kiếm kế sinh nhai
Chịu bao nỗi đắng cay
Nuôi vợ con thơ dại.*

*Ơn cha như núi cả
Nghĩa mẹ tựa trời cao
Con khó thể đáp đền
Chỉ hết lòng hiếu thảo.*

*Nguyện sống đời hiền thiện
Không thẹn với tổ tiên
Cả nhà cùng tu học
Niềm hạnh phúc vô biên.*

*Có thân nhờ cha mẹ
Nên thân nhờ sư trưởng
Dạy lễ nghĩa cho ta
Mới thành người cao thượng.*

*Kiến thức ở thế gian
Nhờ thầy được mở mang
Đạo lý xuất thế gian
Cũng nhờ thầy chỉ đường.*

*Người dù có thông minh
Không thể hiểu một mình*

*Nhờ ơn thầy dạy dỗ
Mới hết khổ tử sinh.*

*Nguyện hết lòng kính ngưỡng
Đối với bậc minh sư
Theo chân thầy hoằng Pháp
Gian khổ cũng không từ.*

*Muốn tu học Đạo vàng
Trước hết thân phải an
Từng bát cơm manh áo
Ân nghĩa đã muôn ngàn.*

*Ơn nhà nông cày cấy
Ơn người thợ dệt may
Ơn những ai xây đắp
Cuộc sống đẹp hôm nay.*

*Ơn đất nước linh thiêng
Biển cả đến đất liền
Chung đức nên nhân kiệt
Dòng giống của tổ tiên.*

*Nguyện sống đời trong sạch
Góp sức dựng tương lai
Nương nhau cùng tồn tại
Xin nhớ ơn muôn loài.*

*Nhờ Phật con được biết
Ơn nghĩa của mẹ cha
Công ơn thầy dạy dỗ
Ơn muôn loài bao la.*

*Phật lại dạy cho con
Lẽ sống của cuộc đời
Là thương yêu tinh thức
Giữa thặng trầm đầy vơi.*

*Trí Phật như trăng rằm
Soi sáng cảnh tối tăm
Giúp con thấy được pháp
Tan hết mọi mê lầm.*

*Như người mù được mắt
Kẻ bệnh nặng được lành
Phước lớn con gặp Phật
Không hạnh phúc nào bằng.*

***Nguyện tinh tấn tu học
Nói dòng Phật ở đời
Dù gian khổ không lời
Để đền ơn đức Phật.***

***Núi mòn dạ chẳng mòn
Lòng hiếu kính sắc son
Nguyện đền bốn ơn nặng
Chư Phật chứng lòng con.***

Sakya Minh-Quang

HOA NGHIÊM SÁM NGUYỆN

*Hoa Nghiêm vô thượng Pháp mầu
Phật vì Bồ-tát hàng đầu nói ra
Trang nghiêm vạn hạnh như hoa
Trùng trùng duyên khởi đều là nhất tâm.*

*Không bị giả tướng gạt lừa
Thật tướng vô tướng, duy tâm tạo thành
Tâm vọng: cảnh vọng phát sanh
Vọng tan: tâm cảnh đều thành Giác hoa*

*Không còn phân biệt người-ta
Vào cửa bất nhị đều là chân như.
Một chân pháp giới như như
Niết-bàn sinh tử hỏi từ đâu ra?*

*Lý tuy đốn ngộ nhưng mà
Hạnh phải kế hợp, không là nói suông
Cho nên Bồ-tát phải buông
Lợi danh, tình ái... một tuồng khổ không.*

**Đường tu tha thiết một lòng
Tìm Thầy học Đạo nguyện thông Đại Thừa.
Thiện Tài tham học gương xưa
Bao giờ bằng Phật mới vừa lòng con!**

**Bồ-tát phát nguyện sắt son
Trên cầu thành Phật, dưới còn độ sanh
Phổ Hiền hạnh nguyện rõ ràng
Sự sự vô ngại, hoàn thành Đại tâm.**

**Hoa Nghiêm giáo nghĩa thậm thâm
Chư Phật Bồ-tát âm thầm hộ tuyên
Nay con nhờ chút phước duyên
Phàm phu được gặp Kinh truyền dạy tu.**

**Thẹn mình cùng tử đại ngu
Về lại quê cũ như mù gặp Cha!
Gia tài sẵn có bao la
Tâm con hạ liệt nghĩ là của ai!**

**Chí thành sám hối Như Lai
Gia tài Pháp bảo con nay kế thừa**

***Theo gương Thầy Tổ thuở xưa
Dịch Kinh, thuyết giảng Phật thừa báo ân.***

***Kính mong bạn Pháp xa gần
Có duyên nghe đọc, theo chân Phật-đà
Cùng nhau ta trở về nhà
Con Phật, thành Phật mới là lý chân!***

Sakya Minh-Quang

HOẰNG TÁN CẢNH SÁCH

*Thế giới nào khác không hoa
Thân người giả huyễn như là chiêm bao
Vô thường không một pháp nào
Chúng sinh có thể nương vào dài lâu!*

*Nếu không tu học đạo mầu
Chạy theo cảnh huyễn vào sâu luân hồi
Trải vô lượng kiếp nổi trôi
Biển sinh tử khổ không hồi thoát ra.*

*Như Lai ứng hiện Ta-bà
Từ bi thuyết Pháp giúp ra biển trần.
Tắt lửa phiền não, tu nhân
Cạn dòng ái dục, chứng thân niết-bàn.*

*Đường tu dù có muôn ngàn
Không ngoài niệm Phật, tham thiền, quán tâm
Tham thiền không cửa, dễ lầm
Tuệ căn không đủ sẽ lâm đường tà.*

***Trong thời mạt pháp Ta-bà
 Tham thiền đốn ngộ khó mà thành công.
 Còn thiền quán xét lại lòng
 Tiệm tu dần dứt khỏi vòng vô minh.
 Không trí bát-nhã đủ tinh
 Khó mà chứng đắc vô sinh pháp này.
 Chỉ môn niệm Phật thuốc hay
 Là đường thẳng tắt ra ngoài trần lao.
 Xưa nay ngu trí thấp cao
 Ba căn gồm đủ đều vào Pháp môn.
 Muôn người tín nguyện tu hành
 Chân thật niệm Phật vãng sanh muôn người!
 Như “Tứ Liệu Giải” chứng lời
 Tin sâu, nguyện thiết một đời vãng sanh.
 Chỉ cần sáu chữ Hồng danh
 Tâm tâm nhớ niệm rõ ràng thấy nghe.
 Tâm vừa có chút ngăn che
 Hồng danh sáu chữ thấy nghe mơ hồ.***

Hoặc vì hôn ám tâm thô

Hoặc vì tán loạn xen vô niệm này.

Phải nên đề tỉnh mình ngay

Trở về chánh niệm, không ngoài nhiếp tâm

Tịnh niệm tương tục công thâm

Lâu ngày thành khối, nhất tâm hiện tiền.

Dù tịnh niệm vẫn chưa chuyên

Nhưng lòng tín nguyện hiện tiền Tây Phương

Di-đà tâm niệm hằng thường

Hiện đời an lạc không vương nào phiền

Tịnh Độ chứng nghiệm hiện tiền

Chưa về An Dưỡng, lòng liền Tây Phương!

Niệm Phật lợi ích không lường

Sao không nỗ lực một đường tiến tu?

Huyền thân chỉ mấy mươi thu

Biết tu không uống công phu làm người

Được thân pháp tánh khắp nơi

Thường, lạc, ngã, tịnh muôn đời an vui!

Tụng rằng:

Ba cõi như nhà lửa

Tám đức vốn thanh lương

Muốn lìa cõi Kham Nhẫn

Lòng gửi An Dưỡng hương.

Sáu chữ: bánh xe chuyển

Tịnh niệm tự chiêu chương.

Di-đà không riêng có

Người trí nên tự cường.

Tám muôn bốn ngàn tướng

Không lìa một tâm vương

Đâu cần ngón chân ấn

Thành tịnh độ Tây Phương!

Hoằng Tán Đại Sư

Sakya Minh-Quang dịch

THỪA KẾ CHÁNH PHÁP

**1. Kính lạy đức Từ Phụ
Bốn sư Thích-ca Văn
Nay con ôn lời Phật
Quán chiếu để tự răn.**

**2. “Sinh từ lời Phật dạy
Lớn lên nhờ Pháp hành
Thừa kế Pháp Phật chứng
Mới thật con Phật sanh.”**

**3. Từ Phụ từng thiết tha:
“Ai là con của Ta
Hãy thừa kế Chánh Pháp
Đừng tài vật xa hoa.”**

**4. Tham danh, tham lợi dưỡng
Thích cung kính, cúng dường
Là thừa kế tài vật
Cùng tử, thực đáng thương!**

**5. Tinh tấn văn, tư, tu
Giới, định, tuệ công phu
Là thừa kế Chánh Pháp
Bậc Pháp khí, trượng phu!**

**6. Phật lại dặn lời này:
“Chánh Pháp của Như Lai
Nhờ người hành trì Pháp
Mới tồn tại lâu dài.**

**7. Không phải nơi vật chất
Chùa to, kiến trúc sang
Mà ở nơi tâm hạnh
Giải thoát những buộc ràng.”**

**8. Chùa chiền là phương tiện
Hoằng Pháp lợi nhân thiên
Không tu, không hoằng hóa
Chùa lớn càng oan khiên!**

**9. Con nay được làm người
Xuất gia theo Như Lai**

***Chỉ e mình thất niệm
Theo dòng đời không hay.***

10. Kinh Phật: gương soi mình

Lời Tổ: roi chuyên tình

Ngày đêm tự cảnh sách

Thệ chứng pháp vô sinh!

11. Nguyên thừa kế Pháp Phật

Trao truyền lại tương lai

Đền đáp ơn Phật Tổ

Cho con được hôm nay.

12. Nguyên cầu Tăng nghiêm tịnh

Hoằng hoá khắp mọi miền

Chánh Pháp được cứu trụ

Lợi ích cõi nhân thiên!

Sakya Minh-Quang

KỆ PHÓNG SANH

*Con nay nguyện trái tâm từ
Thương bao loài khổ cũng như
thương mình*

*Trong vòng sinh tử tử sinh
Từng là cha mẹ... ân tình lại qua.*

*Nổi chìm biển khổ Ta-bà
Con sinh nhân đạo, người là bàng sanh
Hãi hùng cảnh khổ vây quanh
Lột da, mổ bụng..., sao đành làm ngo?*

*Từ bi không kể thân sơ
Phóng sanh các loại, mong nhờ Phật ân
Nghe tên bậc Thánh một lần
Bỏ thân cõi ác về gần Như Lai.*

*Thú, cầm, thúy tộc... lắng tai
Nghe kinh thức tỉnh, sớm ngày siêu sanh
Kiếp sau trở lại người lành
Gặp Thầy nghe Pháp kết thành Phật duyên.*

***Phóng sanh công đức vô biên
Hướng về cầu nguyện mọi miền
chúng sanh
Trường thọ, ít bệnh, an lành
Sống trong Chánh Pháp, đồng thành
Như Lai.***

Sakya Minh-Quang

KỆ TỤNG TRI ÂN LỊCH ĐẠI TỔ SƯ

1. Kính lạy bao đời chư Tổ

Nói truyền Chánh Pháp Như Lai

Xả thân trao đền tiếp lửa

Đến con thế hệ hôm nay.

2. Tăng Hội ươm mầm Phật Việt

Trúc Lâm lớn rộng rừng thiền

Phế hưng bao triều thay đổi

Nhờ Ngươi Pháp vẫn hoằng truyền!

3. Buổi đầu khai sơn tạo tự

Khổ tâm nuôi dạy Tăng tài.

Dịch kinh, hoằng luật vất vả

Xây nền Phật Pháp tương lai.

4. Thân giáo hành trì miên mật

Âm thầm tên tuổi ai hay?

Cùng viết nên trang sử Phật

Mấy ngàn thu vẫn chưa phai.

**5. Người vượt núi rừng sa mạc
Biển khơi gió bão vô thường
Sống chết bỏ ngoài suy nghĩ
Thương đời một quyết lên đường.**

**6. Vì Đạo dẫn thân côi hiếm
Cung tên tà ác khắp nơi
Một giáp cà sa an nhẫn
Gươm tuệ vô úy sáng ngời.**

**7. Sư Tử đầu rơi bình thản
Bồ-đề độc vương vẫn nhàn
Tuyệt lạnh chặt tay cầu Pháp
Đạo tâm thực chẳng nghĩ bàn.**

**8. Tây Trúc dấu truyền kinh quý
Rọc da xẻ thịt mang đi
Chịu bao đớn đau, khổ nhục
Miễn đời biết Đạo, sá gì.**

**9. Đông Độ cao tăng cầu Pháp
Xương phơi sa mạc Gobi**

***Ngàn đi, bao người trở lại?
Huyền Trang... vài vị sử ghi!***

***10. Phật Việt gặp thời Pháp nạn
Thiên thân thức tỉnh lương tri
Trái tim Bồ-tát Quảng Đức
Mãi còn một phiến từ bi.***

***11. Con nay nhận lãnh Chánh Pháp
Đổi bằng xương máu người xưa
Bao đời giúp nên huệ mạng
Nát thân cũng trả chưa vừa.***

***12. Nguyên tiếp đường xưa Thầy Tổ
Truyền đèn nối lửa tương lai
Trải thân một lòng hành đạo
Gian lao nhiều kiếp chẳng nài.***

***13. Nguyên cầu Chánh Pháp cứu trụ
Tăng đoàn nghiêm tịnh truyền trì
Tri ân, dâng lời thệ nguyện
Cầu trên Phật Tổ chứng tri.***

Sakya Minh-Quang

KINH TÂM TỪ

*Những ai biết phát tâm hướng thượng
Mong bình an, vô thượng kết tường
Hãy buông danh lợi thói thường,
Làm người hữu dụng, khiêm nhường,
dễ thương.*

*Sống giản đơn, hạnh thường biết đủ
Tính thẳng ngay, quy củ chuyên tu
Sáu căn phòng hộ công phu
Cẩn trọng, lễ kính, thoát tù gia duyên.*

*Không phạm lỗi đảo điên dù nhỏ
Để người trí vì đó trách buồn.
Tâm từ như suối trào tuôn
Gần xa thấm đượm, tâm luôn nguyện cầu:*

*Xin cầu nguyện muôn loài hạnh phúc
Sống an lành trong ánh từ quang.
Chúng sinh khác loại muôn ngàn
Mạnh, yếu, lớn, nhỏ... sáu hàng gần xa*

***Có loài mắt thấy quanh ta
 Có loài quá nhỏ hoặc là không thân
 Có loài đã được sinh thân
 Có loài trong dạ chưa từng sinh ra.***

***Mong sao đều được an hòa
 Bình yên hạnh phúc, tránh xa khổ sầu.
 Không ai lường gạt với nhau
 Không ai khinh hiếp, làm đau lòng người.***

***Không ai thù hận không vơi
 Hại nhau, dù chỉ bằng lời tổn thương!
 Tâm từ: lòng mẹ hiền lương
 Tình thương con một, rộng dường
*biển khơi!****

***Sẵn lòng đội đá vá trời
 Hy sinh thân mạng cho người bình an!
 Thương yêu mở rộng vô vàn
 Trái tâm từ đến mọi hàng chúng sinh.***

***Hữu hình cho đến vô hình
 Nguyện đều được sống an bình, hòa vui.***

***Nằm ngồi, đi đứng, tới lui
Tâm từ chánh niệm đẩy lui hận thù.
Từ bi nếp sống hòa nhu
Là đời cao thượng ngàn thu tụng truyền!
Không vương dục vọng, não phiền
Xa lìa tà kiến đảo điên vọng tình.
Người trí điều phục tâm mình
Sáu căn thanh tịnh, tử sinh không còn.***

Sakya Minh-Quang dịch

NGHI THỨC CÚNG QUÁ ĐƯỜNG



Nghe khánh vân tập, Đại chúng phải nhanh chóng có mặt, ngồi yên trang nghiêm nơi bàn quá đường. Mở nắp bát, múc cơm vào, cầm chiếc muỗng xoay ra ngoài. Sau ba hồi khánh, xá rồi để bát cơm lên ấn Tam sơn nơi tay trái. (Ấn Tam sơn: Co 2 ngón tay

giữa và ngón áp út vào lòng bàn tay trái, ba ngón còn lại dựng thẳng). Tay phải bắt ấn Cúng dường (Ấn cúng dường: Co ngón áp út của bàn tay mặt, rồi dùng ngón cái giữ lại.) Nâng bát bằng ấn Tam sơn và bắt ấn Cúng dường ngang trán. Bát nằm bên ngoài, ấn để bên trong sát trán. (Xem hình). Cử xướng bài cúng dường sau:

MỞ BÁT

Bình bát Phật đã truyền trao

Nay con mở bát kết bao duyên lành

Nguyện cùng pháp giới chúng sanh

Ba luân không tịch, đồng thành Như Lai.

KỆ THẤY BÁT KHÔNG

**Khi nhìn thấy chiếc bát không
Nguyện muôn loại sớm sạch lòng sân si
Tánh không duyên khởi nhớ ghi
Biết đời mộng huyễn còn chi nào phiền!**

KỆ THẤY BÁT ĐẦY

**Khi nhìn thấy chiếc bát đầy
Nguyện muôn loại biết sớm ngày phát tâm
Tu công đức Phật thậm thâm
Đầy đủ thiện pháp, trọn tâm Bồ-đề.**

CÚNG DƯỜNG

**Thanh tịnh pháp thân Tỳ-lô-giá-na Phật
Viên mãn báo thân Lô-xá-na Phật
Thiên bá ức hóa thân Thích-ca Mâu-ni Phật
Đương lai hạ sinh Di-lặc Tôn Phật.
Cực Lạc thế giới A-di-đà Phật**

Thập Phương tam thế nhất thiết chư Phật
Đại Trí Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát
Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ-tát
Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát
Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ-tát
Chư Tôn Bồ-tát Ma-ha-tát.
Ma-ha Bát-nhã Ba-la-mật.
Ba đức, sáu vị
Cúng Phật và Tăng
Pháp giới hữu tình
Phổ đồng cúng dường.
Thọ trai chánh niệm
Nguyện cho chúng sanh
Thiền duyệt thọ dụng
Pháp hỷ sung mãn.

(Để bát cơm xuống và xoay muống vào bên trong)

CHỦ LỄ CHÚ NGUYỆN

Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn
Từ bi vượt thoát muôn ngàn chướng ngại

**Nguyện loài đói khổ có ăn
Tâm thành bảy hạt hóa hằng hà sa.
Nam-mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát (3 lần).**

(Sau đó, đưa chén xuất sanh cho thị giả thí thực)

THỊ GIẢ THÍ THỰC

**Quỷ thần các loại lắng nghe
Vì tham bỗ xẻn ngăn che tâm mình
Bấy lâu đói khổ linh đình
Nay nương Pháp Phật dứt tình chấp sâu
Từ bi nước tịnh nhiệm màu
Cam lồ rưới tắt lửa sầu thế gian
Chúng sanh khác loại muôn ngàn
Xin về thọ thực, niết-bàn siêu nhiên
Tâm từ Pháp lực vô biên
Bảy hạt hóa khắp tam thiên cúng dường.
Nam-mô Phổ Cúng Dường Bồ-tát (2 lần)
Nam-mô Phổ Cúng Dường Bồ-tát Ma-ha-tát .**

CHỦ LỄ XƯỞNG TẶNG BÁT

Phật dạy người tu, khi ăn phải giữ gìn năm pháp quán. Buông lòng nói chuyện tạp của tín thí khó tiêu. Đại chúng nghe tiếng khánh xin đồng nhất tâm niệm Phật:

Nam-mô A-di-đà Phật.

CỬ BÁT

(Hai tay bưng bát cơm lên ngang trán, đọc)

Tay cầm bình bát nhớ ghi
 Nguyện muôn loại biết từ bi tu hành
 Xuất gia hoằng Pháp lợi sanh
 Thành bậc Pháp khí, phước lành
 nhân thiên.

TAM ĐỀ

**Nguyện không làm ác vì thương
Nguyện tu thiện pháp, tư lương giúp đời
Nguyện độ sinh chúng nơi nơi
Ba tụ tịnh giới đời đời không quên.**

NGŨ QUÁN

*(Hai tay nâng bát cơm để ngang tầm ngực,
thăm quán nguyện năm điều sau)*

- 1. Bát cơm này từ đâu mang đến?
Phải chăng vì người mến Đạo lành
Thương ai chín chắn tu hành
Thảo lòng nhịn miệng kính thành cúng dâng.**
- 2. Tay thọ lãnh bâng khuâng tự nghĩ:
Đức hạnh mình thọ thí đáng không?
Món vay món trả phải đồng
Người dâng vật quý là mong phước lành.**
- 3. Ngăn tham luyện không sinh lòng quấy
Dứt lỗi lầm chẳng thấy miếng ăn**

**Lẽ nào tập tánh khó khăn
Chiều theo khẩu nghiệp tự trần trối mình.**

**4. Cơm như món thuốc linh chữa bệnh
Ta người đau phải tính phương châm
Tạm dùng nhưng chẳng luyến tâm
Đã không tham đắm nào lâm tội tình.**

**5. Giờ thọ thực nhắc mình tinh tiến
Đạo nghiệp thành thệ nguyện mới thành
Độ rồi hết thủy chúng sanh
Cũng như thọ hưởng phước lành hôm nay.**

(Thị giả thỉnh) **A-di-đà Phật, cung thỉnh
đại chúng thọ trai.**

(Đại chúng đáp) **A-di-đà Phật.**

KỆ UỐNG NƯỚC

**Phật xem trong bát nước đầy
Chúng sanh vô số nơi đây sống nhờ
Uống không chánh niệm thờ ơ
Khác nào ăn thịt, làm như hạnh từ.**

KỆ KIẾT TRAI

Thọ trai xong dạ nhớ ghi
Nguyện muôn loại biết từ bi tu hành
Làm xong tất cả hạnh lành
Đầy đủ Phật Pháp lợi sanh giúp đời.

TÂM KINH

Kinh Ma-ha Bát-nhã
Ba-la-mật tâm yếu
Bồ-tát Quán Tự Tại
Khi thực hành Bát-nhã
Ba-la-mật thâm sâu
Quán chiếu thấy năm uẩn
Đương thể đều là không
Vượt qua vòng khổ ách.
Xá-lợi-phất lắng nghe
Sắc chẳng khác tánh không
Tánh không chẳng khác sắc
Sắc chính là tánh không
Tánh không chính là sắc

Thọ, tướng, hành và thức
Bản chất cũng như vậy.
Lại nữa, Xá-lợi-phất
Các pháp thật tướng không
Không sinh cũng không diệt
Không sạch cũng không nhơ
Không thêm cũng không bớt;
Không có năm thủ uẩn:
Sắc, thọ, tướng, hành, thức;
Không có sáu căn: mắt,
Tai, mũi, lưỡi, thân, ý;
Không có sáu trần: sắc
Thanh, hương, vị, xúc, pháp;
Cũng không có sáu thức:
Nhãn thức đến ý thức;
Mười tám giới đều không.
Không có mười hai duyên:
Vô minh đến già chết;
Không có hết vô minh

**Cho đến hết già chết
[Lưu chuyển và hoàn diệt
Cả hai chiều đều không.]
Không có bốn thánh đế:
Khổ, tập, diệt và đạo.
Không có trí có đắc
Vì không có sở đắc.
Bồ-tát y Bát-nhã
Ba-la-mật-đa này
Tâm không còn chướng ngại
Do không có chướng ngại
Nên không có sợ hãi
Lìa mộng tưởng đảo điên
Đến Niết-bàn cứu cánh.
Chư Phật trong ba đời
Đều y nơi Bát-nhã
Đắc Vô Thượng Bồ-đề.
Thế nên biết Bát-nhã
Là chân ngôn đại thần**

Là chân ngôn đại minh
Là chân ngôn vô thượng
Không chân ngôn nào bằng
Có vi diệu công năng
Diệt trừ tất cả khổ
Chân thực không dối hư
Liền nói ra chú rằng:
Ga-tê, ga-tê, ba-ra ga-tê, ba-ra sam-ga-tê,
bô-đi xóa-ha (3 lần).

(Gate gate para gate para samgate bodhi svaha)

PHỤC NGUYỆN

Cơm ngày hai bữa, hằng nhớ ơn khó
khổ của kẻ nông phu. Thân mặc ba y,
thường xét nghĩ nhọc Nhẫn của người
thợ dệt. Thuốc thang giường chõng,
bởi do sự nhín ăn bớt mặc của đàn-na.
Học Đạo tiến tu, nhờ lòng từ dạy răn

**của Thầy Tổ. Cầu cho tín chủ ruộng
phước thêm nhiều, Bồ-đề tâm thêm
lớn, cùng pháp giới chúng sinh, đều
trọn thành Phật Đạo.**

(Đại chúng đồng niệm:)

Nam-mô A-di-đà Phật.

MƯỜI CÔNG ĐỨC LỚN CỦA VIỆC IN KINH

1. Những tội lỗi gây tạo trước đây, nếu nhẹ sẽ tiêu trừ, còn nặng sẽ thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi các nạn ôn dịch, thiên tai, trộm cướp, giặc giã, lao tù
3. Nhờ công đức Pháp bảo khiến oan gia trái chủ đời trước được giải thoát, không còn phải khổ vì nạn oán thù.
4. Không bị dạ xoa, ác quỷ xâm phạm; rắn độc, thú dữ làm hại.
5. Tâm được an ổn, ngày không hiểm nạn, đêm không ác mộng, sắc mặt hồng hào, sức khỏe dồi dào, việc làm kiết lợi.
6. Thành tâm phụng trì giáo Pháp, tuy không mong cầu mà cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước thọ lâu dài.

7. Nói ra và làm điều gì đều được trời người yêu mến, phàm đi đến đâu cũng được nhiều người thật lòng ái mộ, cung kính.

8. Người ngu thành trí, kẻ bệnh được lành, lúc khốn khó sẽ hanh thông. Còn như phụ nữ lúc xả báo thân, sẽ được chuyển thành thân nam.

9. Xa hẳn đường ác, sinh vào cõi lành, tướng mạo đoan chánh, tư chất ưu việt, phước báo thù diệu.

10. Có thể gieo trồng căn lành cho tất cả chúng sinh, lấy tâm chúng sinh làm ruộng phước, sẽ được vô lượng quả báo thù thắng; sinh ra chỗ nào cũng thường gặp Phật nghe Pháp, mãi đến khi khai mở ba minh, thân chứng sáu thông, sớm thành quả Phật.

Trích dịch từ *Ấn Quang Đại Sư Văn Sao*, quyển 4.

Kêu Gọi Cùng Nhau Pháp Thí

Đức Phật dạy:

*Bố thí Pháp hơn mọi bố thí
Hương vị Pháp hơn mọi hương vị
Niềm vui Pháp hơn mọi niềm vui
Tham ái diệt khổ đau chấm dứt.*

(Kinh Pháp Cú-câu 354)

Tổ Đình Thiện Tường xin thành tâm tri ân và tán thán công đức quý Phật tử đã Pháp thí, phát tâm ấn tống kinh sách. Những kinh sách biên soạn, phiên dịch và chú giải này được dùng làm tài liệu giảng dạy trong chương trình giáo dục của Học Viện Phật Thừa/Buddhayana Academy, cũng như cúng dường các Phật học viện, tự viện, chư tăng ni và Phật tử có nhu cầu tu học trong và ngoài nước.

Chư thiện tri thức hữu duyên, nếu nhận thấy kinh sách phiên dịch và biên soạn của

bút giả có giá trị cống hiến cho sự nghiệp giáo dục và hoằng Pháp trong và ngoài nước, xin hãy cùng nhau chung tay, góp phần vào sự nghiệp Pháp thí cao cả và ý nghĩa này. Quý vị có thể gửi tìn tài cúng dường in kinh sách theo địa chỉ **Tổ Đình Thiện Trường 5037 W. 83rd Street, Burbank, IL 60459**. Người nhận ghi: Thien Temple Temple, ghi chú: **Ấn tống kinh sách. Hay zelle qua số điện thoại (503) 756-1231, người nhận: Vietnamese Buddhist Association at Champaign**. Cầu nguyện Phật Pháp trường tồn, chúng sinh an lạc, thiên tai nhân họa tiêu trừ, tà kiến ma nạn tận diệt.

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sinh

Đều trọn thành Phật đạo!

Sa-môn Sakya Minh-Quang kính ghi.



TỔ ĐÌNH THIỆN TƯỜNG

5037 W. 83rd St. Burbank, IL 60459

TU VIỆN THIỆN TƯỜNG

1512 N. Mckinley Ave. Champaign, IL 61821

Facebook: **Thien Tuong Temple;**
Tu Viện Thiện Tường

Website: **thientuongtemple.com**

Youtube: **Tu Viện Thiện Tường;**
Học Viện Phật Thừa

Email: **tuventhientuong@gmail.com**

